

Bản án số: 05/2019/DS - PT.
Ngày 14 tháng 01 năm 2020.
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Huyền;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Trường Sơn;

Ông Nguyễn Hà Giang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cúc - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và ngày 14 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 85/2019/DS -PT ngày 09 tháng 12 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/TLST - ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh P bị kháng cáo.

Theo Qđịnh đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 98/2019/QĐXX - PT ngày 25 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm 1957;

Trú tại: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh P (Có mặt)

Bị đơn: Bà Hà Thị Q, sinh năm 1951.

Trú tại: Khu Đ, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh P (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Lê Thị T trình bày: Ngày 22/11/2016 bà có cho bà Hà Thị Q ở khu Đ, thị trấn Đ vay số tiền là 400.000.000đ. Bà Q là người viết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 22/11/2016 có nội dung bà Q vay của bà 400.000.000đ thời hạn trả là ngày 22/11/2017 nếu bà Q không trả được thì bà Q sẽ trả bằng nhà và đất có diện tích đất 58,05m² và 70m² đất lúa, bà có cầm của bà Q 01 bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 999989, đứng tên Hà Thị Q do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 12/01/2017(địa chỉ thửa đất là ở khu Đ, thị trấn Đ), về tiền lãi suất hai bên chỉ thỏa thuận bằng

miệng lãi suất với nhau bằng miệng là 3%/tháng không ghi vào giấy biên nhận, sau đó bà tự ghi thêm vào giấy biên nhận tiền lãi 3%/ tháng. Giấy biên nhận vay tiền bà Q là người viết và điểm chỉ, sau khi tôi đưa tiền cho bà Q thì bà Q giao giấy biên nhận cho tôi, do không để ý nên có sự nhầm lẫn về việc ghi ngày vay là ngày 22/11/2016 nhưng lại thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 12/01/2017 sự nhầm lẫn này là do bà Q nay tôi không nhớ cụ thể ngày vay mà đề nghị xem xét yêu cầu của tôi theo giấy biên nhận vay tiền. Ngoài ra trong giấy biên nhận vay tiền bà Q ghi cả chồng bà là ông C nhưng thực tế đó là tiền riêng của bà, chỉ mình bà đứng ra cho bà Q vay số tiền trên, không liên quan đến chồng bà là ông C và một ai khác. Theo giấy biên nhận vay tiền thì đến ngày 22/11/2017 bà Q phải trả cho bà toàn bộ số tiền 400.000.000đ, lãi suất 3%/tháng nhưng đến nay bà Q chưa trả cho bà đồng nào. Ngoài ra bà còn cho bà Q vay số tiền 2.000.000đ theo giấy biên nhận ngày 9/11/2017, 13.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 22/11/2017 tiếp theo đó đến ngày 10/01/2018 thì bà Q viết giấy biên nhận bán nhà nội dung bà Q bán 01 căn nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất 83m² trong đó có 58m² đất thổ cư và 25m² đất lúa, bà T có đưa cho bà Q số tiền 200.000.000đ để bà Q làm thủ tục chuyển nhượng QSD đất cho bà và 100.000.000đ để mua của bà Q 01 thửa đất lúa với diện tích là 65m² ở khu Đ, thị trấn Đ nằm trong Quyết định số 437/2016 của Chủ tịch UBND huyện Đ ký ngày 04/02/2016. Đến nay bà Q vẫn không trả cho bà số tiền 715.000.000đ và cũng không làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 999989 và 01 căn nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất 83m² trong đó có 58m² đất thổ cư và 25m² đất lúa, 01 thửa đất lúa với diện tích là 65 m² ở khu Đầu Lô, thị trấn Đ nằm trong Quyết định số 437/2016 của Chủ tịch UBND huyện Đ ký ngày 04/02/2016. Nay bà khởi kiện yêu cầu bà Q phải trả cho bà toàn bộ số tiền đã vay là 715.000.000đ theo 05 giấy biên nhận vay tiền, giấy biên nhận bán nhà và tài sản trên đất, giấy biên nhận nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất viết vào các ngày 22/11/2016; 09/11/2017; 22/11/2017; 10/01/2018 (02 giấy) và tiền lãi quá hạn của khoản tiền 400.000.000đ theo quy định của pháp luật kể từ ngày 22/11/2017, đối với khoản tiền 315.000.000đ bà không yêu cầu tính lãi, bà cũng không yêu cầu bà Q phải thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất cũng như nhà theo các giấy biên nhận mà bà Q đã viết và ký, còn đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi nào bà Q trả tiền cho bà thì bà sẽ trả lại cho bà Q Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn bà Hà Thị Q trình bày: Bà Q có vay của bà T số tiền ban đầu là 240.000.000đ vào đầu năm 2016 sau đó bà T tính lãi lên 300.000.000đ rồi lên 400.000.000đ, các giấy biên nhận của khoản vay ban đầu bà Q và bà T đã hủy đi để bà Q viết lại giấy biên nhận vay tiền đề ngày 22/11/2016 đối với khoản vay 400.000.000đ có nội dung trong giấy biên nhận như bà T đã trình bày trên. Lý do giấy biên nhận vay tiền đề ngày 22/11/2016 nhưng lại thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 12/01/2017 là do bà Q viết nhầm ngày vay, ngày vay là ngày nào bà Q cũng không nhớ chính xác mà chỉ nhớ khi bà Q

viết giấy biên nhận vay của bà T khoản tiền 400.000.000đ tại thời điểm đó bà Q đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 999989 ghi ngày cấp 12/01/2017 để bà Q thế chấp cho bà T. Khoản vay 400.000.000đ bà Q vay của bà T chứ không vay của ông C và bà Q vay để sử dụng các nhân không liên quan đến ai, giấy biên nhận vay tiền do bà Q viết, ký và điểm chỉ. Ngoài số tiền trên bà Q còn trình bày bà Q còn vay của bà T số tiền 15.000.000đ theo 02 giấy biên nhận vay tiền đề ngày 09/11/2017 và 22/11/2017. Nay bà Q đồng ý trả cho bà T số tiền 415.000.000đ, về tiền lãi bà Q không đồng ý trả vì các khoản vay đều không ghi tiền lãi, mặt khác bà T đã tính lãi gộp vào các giấy biên nhận và bà Q yêu cầu bà T phải trả lại cho bà 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 999989 đứng tên Hà Thị Q. Đối với số tiền 300.000.000đ thể hiện ở 02 giấy biên nhận đề ngày 10/01/2018 (giấy biên nhận bán nhà và tài sản trên đất, giấy biên nhận nhận tiền chuyển nhượng đất) có nội dung bà Q nhận của bà T số tiền 300.000.000đ để bà Q chuyển nhượng cho bà T 01 căn nhà cấp 4 nằm trên diện tích đất 83m² trong đó có 58m² đất thổ cư và 25m² đất lúa, 01 thửa đất lúa với diện tích là 65 m² ở khu Đ, thị trấn Đ nằm trong Quyết định số 437/2016 của Chủ tịch UBND huyện Đ ký ngày 04/02/2016 là do bà Q viết và ký nhưng bà Q không được nhận tiền vì khi đó bà T có bảo bà Q viết hai giấy biên nhận đề ngày 10/01/2018 trên để đảm bảo khoản tiền vay 400.000.000đ ở giấy biên nhận đề ngày 22/11/2016, sau này dờ xảy ra tranh chấp với con của bà Q nên bà Q đã viết và ký chứ không có việc bà Q đã nhận tiền của bà T để bán, chuyển nhượng những tài sản trên. Bà Q không đưa ra được các tài liệu gì chứng minh bà Q không được nhận khoản tiền 300.000.000đ của bà T. Nay quan điểm của bà Q không trả cho bà T khoản tiền 300.000.000đ vì bà Q không được nhận khoản tiền này và cũng không đề nghị thực hiện việc chuyển nhượng tài sản theo các giấy biên nhận. Các giấy biên nhận đề các ngày 22/11/2016; 09/11/2017; 10/01/2018(02 giấy) và 22/11/2017 đều do bà tự tay viết và ký, chỉ có một mình bà Q vay tiền của bà T không liên quan đến ai khác. Bà Q không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh việc bà Q không nhận của bà T số tiền 300.000.000đ như bà đã trình bày.

Tại biên bản lấy lời khai ông Lưu Thế C (chồng bà T) trình bày: Toàn bộ số tiền bà T cho bà Q vay là tiền riêng của bà T, không phải tiền chung của ông C và bà T. Ông C không liên quan gì đến khoản tiền trên.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/TLST - ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh P:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị Qsố 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc bà Hà Thị Q phải trả cho bà Lê Thị T số tiền cả gốc và lãi là 790.699.200đ (bảy trăm chín mươi triệu, sáu trăm chín mươi chín nghìn hai trăm đồng) (trong đó tiền gốc là 715.000.000đ, tiền lãi là 75.699.200đ).

2. Buộc bà Lê Thị T phải trả lại cho bà Hà Thị Q 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 999989 đứng tên Hà Thị Q do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 12/01/2017.

Bản án còn tuyên các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

Kháng cáo: Ngày 10/12/2019 bà Hà Thị Q có đơn kháng cáo không nhất trí bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/TLST - ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Tại phiên tòa bà Hà Thị T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Tại phiên tòa bà Hà Thị Q không đưa được chứng cứ chứng minh không nhận khoản tiền 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng). Bà Hà Thị Q chỉ đồng ý trả cho bà Lê Thị T số tiền 415.000.000đ (Bốn trăm mười lăm triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P: Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2019/TLST - ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của VKSND tỉnh; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Xét yêu cầu kháng cáo của bà Hà Thị Q, Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc bà Hà Thị Q ký vào các giấy vay tiền, biên nhận vay tiền, giấy biên nhận bán nhà và tài sản trên đất là do tự tay bà Q viết, ký nhận, điểm chỉ với tổng số tiền 05 lần ký nhận là 715.000.000đ (Bảy trăm mười lăm triệu đồng). Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hà Thị Q chỉ đồng ý trả cho bà Lê Thị T 415.000.000đ (Bốn trăm mười lăm triệu đồng), bà không đồng ý trả 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng) theo 2 giấy biên nhận bán nhà và tài sản trên đất và giấy biên nhận, nhận tiền chuyển nhượng đất đều ký ngày 10/01/2018. Bà Q cho rằng đây chỉ là cách viết để cho em trai bà và con nuôi của bà không tranh chấp, chứ bà không bán nhà và nhận tiền của bà T, nhưng tại 02 giấy này là do tự tay bà T viết, ký tên, điểm chỉ và thừa nhận đã nhận đủ số tiền viết theo 02 giấy này. Bà Hà Thị Q không đưa được chứng cứ chứng minh việc bà chỉ nợ bà T 415.000.000đ, hơn nữa 02 giấy biên nhận, nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy biên nhận bán nhà và tài sản trên đất ngày 10/01/2018 là do tự tay bà Q viết, ký tên, điểm chỉ. Tuy bà Q cho rằng thực tế bà chỉ nợ bà T số tiền 415.000.000đ nhưng đến nay bà Q không chứng minh được bà không nhận của bà T số tiền 300.000.000đ theo 02 giấy biên nhận nhận tiền chuyển nhượng quyền sử dụng đất và giấy biên nhận bán nhà và tài sản trên đất ngày 10/01/2018 như trong

giấy đã ghi và bà đã trả tiền lãi cho bà T. Bà T yêu cầu bà Q phải trả cho bà số tiền bà Q đã vay là 715.000.000đ, nhưng chỉ tính lãi đối với khoản tiền 400.000.000đ. Do vậy cần buộc bà Hà Thị Q phải trả cho bà Lê Thị T số tiền đã vay là 715.000.000đ và 75.699.200đ tiền lãi của khoản tiền 400.000.000đ. Tổng cộng bà Q phải trả cho bà T số tiền 790.699.200đ. Với các căn cứ nêu trong các giấy ký nhận nợ bà Q đã viết, ký, điểm chỉ vào các giấy vay nợ, điều này cho thấy bà Q thừa nhận số nợ 715.000.000đ (Bảy trăm mười lăm triệu đồng) đối với bà T là có căn cứ pháp lý cần được chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, kháng cáo của của bà Hà Thị Q không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp phúc giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/TLST - ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh P

[2]. Về án phí phúc thẩm: Bà Hà Thị Q được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/TLST - ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh Phú Thọ.

Không chấp nhận kháng cáo của bà Hà Thị Q.

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị Q326, ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Buộc bà Hà Thị Q phải trả cho bà Lê Thị T số tiền cả gốc và lãi là 790.699.200đ, làm tròn 790.699.000đ (Bảy trăm chín mươi triệu sáu trăm chín mươi chín đồng) (Trong đó tiền gốc là 715.000.000đ, tiền lãi là 75.699.000đ).

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền trên cho người được thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Buộc bà Lê Thị T phải trả lại cho bà Hà Thị Q 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 999989 đứng tên Hà Thị Q do Ủy ban nhân dân huyện Đ cấp ngày 12/01/2017.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Hà Thị Q không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TDS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Huyền